

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập- Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 183/2019/HNGĐ-ST
Ngày 22-7-2019
V/v ly hôn, con chung khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Võ Minh Luân**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Bùi Xuân Minh**.

2. Ông **Trịnh Văn Điệp**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Cẩm Hương** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời.

Trong ngày 22 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 214/2019/TLST-HNGĐ ngày 29/3/2019 về việc “Ly hôn, con chung khi ly hôn” theo quyết định đưa vụ án xét xử số 157/2019/QĐST - HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Hà Thị Minh H**, sinh năm 1978(có mặt).

Địa chỉ: Khóm 10, thị t, huyện T, tỉnh Cà Mau.

2. *Bị đơn:* Ông **Trần Văn S**, sinh năm 1980 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp M, xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 29/3/2019 nguyên đơn bà Hà Thị Minh H trình bày:

Về hôn nhân: Bà Hà Thị Minh H và ông Trần Văn S thành hôn vào năm 2014 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Sông Đốc, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau. Trong thời gian chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, ông S không chung thủy, thường đi vắng nhà, không quan tâm đến vợ con. Bà H và ông S sống ly thân khoảng 01 năm nay. Xét thấy vợ chồng không thể đoàn tụ nên bà H yêu cầu được ly hôn với ông S.

Về con chung: Bà Hà Thị Minh H và ông Trần Văn S có 01 con chung tên Trần Bình M, sinh ngày 02/11/2014, bà H đang nuôi dạy. Bà H yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà H xác định không có, không yêu cầu Tòa án

xem xét.

Tại biên bản ghi nhận ý kiến của đương sự ngày 04 tháng 7 năm 2019 bị đơn ông Trần Văn S trình bày:

Về hôn nhân: Ông Trần Văn S đồng ý ly hôn với bà Hà Thị Minh H; Về con chung: có 01 con chung tên Trần Bình M, sinh ngày 02/11/2014, bà H đang nuôi dạy. Ông S đồng ý giao con cho bà H nuôi, ông S không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Xét về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Trần Văn S có nơi cư trú tại huyện Trần Văn Thời, nguyên đơn bà H khởi kiện xin ly hôn với ông S nên Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại Điều 28 và 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại biên bản ghi nhận ý kiến của đương sự ngày 04 tháng 7 năm 2019 bị đơn ông Trần Văn S yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Trần Văn S là phù hợp với quy định.

[2] Xét về hôn nhân: Bà Hà Thị Minh H và ông Trần Văn S thành hôn vào năm 2014 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Sông Đốc, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau. Được thể hiện tại giấy chứng nhận kết hôn số 202/2014, quyển số 02 ngày 12/8/2014. Trong thời gian chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, ông S không chung thủy, thường đi vắng nhà, không quan tâm đến vợ con. Bà H và ông S sống ly thân khoảng 01 năm nay. Tại phiên tòa bà H vẫn giữ y yêu cầu được ly hôn với ông S. Hội đồng xét xử xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa bà H với ông S đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Hà Thị Minh H.

[3] Xét về con chung: Bà Hà Thị Minh H và ông Trần Văn S có 01 con chung tên Trần Bình M, sinh ngày 02/11/2014 bà H đang nuôi dạy. Bà H yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy, cháu Trần Bình M được bà H trực tiếp nuôi dạy và hiện nay cháu Trần Bình M còn nhỏ cần sự chăm sóc nuôi dưỡng của bà H, bà H đủ điều kiện để nuôi dạy cháu Minh sau khi ly hôn. Do đó căn cứ Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 giao Trần Bình M, sinh ngày 02/11/2014 cho bà H trực tiếp nuôi dạy là phù hợp.

[4] Xét về cấp dưỡng nuôi con: Bà H không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Xét về tài sản chung, nợ chung: Bà H xác định không có, không yêu cầu nên không xem xét.

[6] Về án phí: Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Nguyên đơn bà H phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28; Điều 35, Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Hà Thị Minh H, bà H được ly hôn với ông Trần Văn S.

Về con chung: Giao cháu Trần Bình M, sinh ngày 02/11/2014 cho bà H trực tiếp nuôi dạy, ông S không phải cấp dưỡng nuôi con. Ông S có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền cản trở ông S thực hiện quyền này.

Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình bà H phải chịu 300.000 đồng. Bà H có nộp tạm ứng án phí là 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền số 0002916 ngày 29/3/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau được chuyển thu đối trừ.

Án xử công khai nguyên đơn, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,7a,7b, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKS cùng cấp;
- Chi cục THADS huyện TVT;
- UBND thị trấn Sông Đốc;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Võ Minh Luân